TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 20 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1990

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1989

Địa chỉ: tổ 9C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

Căn cứ vào các điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 và 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Song Thành Đ, sinh ngày 14/4/2015 và Nguyễn Song Thành Q, sinh ngày 17/3/2017. Ông Nguyễn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.500.000đồng, (cháu Đ 1.500.000 đồng, cháu Q 2.000.000đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 04/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng); án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) ông Nguyễn Đ tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005544, ngày 05 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- TAND tp. Đà Nẵng;
- UBND xa Hòa Tiến, h. Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Hằng